TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 08/4/2024.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý.

Ông Tạ Kỳ Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Tú U, sinh năm 1993; vắng mặt.

Cư trú tại: ấp S, xã TB, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Tạm trú: khu phố AB, phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: anh La Văn Ng, sinh năm 1992; vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố L, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú U trình bày:

Chị và anh La Văn Ng chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Trảng Bàng (nay là phường T, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh vào năm 2019. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống cùng gia đình anh Ng tại khu phố L, phường T, thị xã Trảng Bàng,

tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, bất đồng quan điểm trong cách sống và có mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên thường xuyên gây gỗ nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề, không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn chung sống với nhau, tình cảm đã phai nhạt. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh Ng.

Về con chung: vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh La Văn Ng đến Toà án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh Ng đều vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh Ng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú U đối với anh La Văn Ng. Chị U được ly hôn anh Ng.

Về con chung: chị U, anh Ng không có con chung.

Về tài sản chung: chị U, anh Ng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: chị U, anh Ng trình bày không có nợ.

Về án phí: chị U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Tú U vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh La Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ

hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị U và anh Ng chung sống với nhau năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị U trình bày là do giữa vợ, chồng có mâu thuẫn về kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm trong cách sống nên thường gây gỗ nhau và vợ chồng chị U, anh Ng đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị U yêu cầu được ly hôn anh Ng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ anh Ng nhiều lần nhưng anh Ng đều vắng mặt, không gửi bản tự khai cho Tòa án và cũng không đồng ý để Tòa án lấy lời khai, cho thấy anh Ng không có thiện chí hàn gắn cùng chị U. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, chị U đều giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, không muốn hàn gắn với anh Ng, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị U và anh Ng đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U đối với anh Ng, cho chị U được ly hôn anh Ng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: vợ chồng chị U, anh Ng không có con chung.

[4] Về tài sản chung: chị U, anh Ng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: chị U trình bày không có nợ.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú U đối với anh La Văn Ng.

Chị Nguyễn Thị Tú U được ly hôn anh La Văn Ng.

2. Về con chung: chị U, anh Ng không có con chung.

3. Về tài sản chung: chị U, anh Ng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị U trình bày không có nợ.

5. Án phí: chị Nguyễn Thị Tú U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015232 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị U đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị U, anh Ng có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư